

Số: 11 /2024/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tiêu thụ nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Cửa Lò sản xuất, cung ứng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1723/STC-QLG&CS ngày 09/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch (đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành) do Công ty cổ phần cấp nước Cửa Lò sản xuất, cung ứng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ dân cư là khách hàng sử dụng sản phẩm nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Cửa Lò sản xuất, cung ứng.

b) Công ty cổ phần cấp nước Cửa Lò.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức giá sản phẩm nước sạch

1. Giá tiêu thụ nước sạch:

TT	Nhóm khách hàng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/tháng	Mức giá đã bao gồm thuế (đồng/m ³)
I	Giá bán lẻ nước sạch		
1	Nước dùng cho sinh hoạt cho các đối tượng hộ dân cư khu vực nông thôn (kể cả nhà ở tập thể, sinh viên ở ký túc xá tập trung, người lao động thuê nhà để ở).	Theo thực tế sử dụng.	7.500
	Nước dùng cho sinh hoạt cho các đối tượng hộ dân cư khu vực đô thị (kể cả nhà ở tập thể, sinh viên ở ký túc xá tập trung, người lao động thuê nhà để ở).	Theo thực tế sử dụng.	8.500
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, trường học, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận).	Theo thực tế sử dụng.	13.200
3	Tổ chức cá nhân sản xuất vật chất.	Theo thực tế sử dụng.	16.500
4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ.	Theo thực tế sử dụng.	19.900
II	Giá bán buôn nước sạch		
1	Nước dùng cho hoạt động sản xuất vật chất (Công ty Cổ phần WHAUP Nghệ An).	Theo thực tế sử dụng.	10.000

2. Mức giá trên đây đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và giá dịch vụ thoát nước theo quy định).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 / 6 /2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Ơ
Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KT (PP, Hòa). *✱*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

